

QUAN HỆ GIỮA KHOA HỌC VÀ TÔN GIÁO

Vũ Cao Đàm

Đại học Quốc gia Hà Nội

Maria Trần Thị Hồng

Giáo họ Ân Thịnh, Giáo xứ Tuyên Quang

Sư thầy Thích Đồng Hòa

Chùa Tăng Phúc, Hà Nội

Bài viết nhằm góp thêm một số ý kiến luận bàn về các khái niệm “khoa học” và “tôn giáo”, cũng như mối quan hệ giữa chúng. Các tác giả cho rằng, các khái niệm này tồn tại độc lập với nhau, trong mối quan hệ tương tác, chứ không bao giờ “là” nhau được, có nghĩa rằng, không thể có “tôn giáo khoa học”, càng không thể có “khoa học tôn giáo”...

Dẫn nhập

Mới đây, trên văn đàn có bài viết đưa luận điểm “khoa học là tôn giáo”, trong đó, tác giả xem “khoa học tôn giáo” như một trong “ba ngành khoa học”, gồm “khoa học mang tính tôn giáo”, “khoa học phục vụ nhà nước” và “khoa học phục vụ doanh nghiệp”. Tác giả cho rằng, luận điểm “khoa học là tôn giáo” là viện dẫn Einstein từ cuốn sách nổi tiếng “Thế giới như tôi thấy” của ông.

Để góp bàn về mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo, chúng tôi đã tra cứu rất cẩn thận nguyên bản tiếng Anh “The World As I See It”¹, bản dịch tiếng Pháp “Comment je vois le monde”², và đọc rất kỹ ba đoạn, trong đó Einstein nói đến mối quan hệ giữa khoa học và tôn giáo. Đó là các đoạn có tiêu đề “Cosmic

Religious” (Đạo vũ trụ), “Religion and Science” (Tôn giáo và Khoa học) và một đoạn khác “The Religiousness of Science” (chúng tôi tạm dịch là Đạo khoa học). Trước hết, chúng tôi khẳng định, không ở đâu trong ba đoạn viện dẫn ở trên Einstein đề xuất luận điểm “khoa học là tôn giáo”. Hơn nữa, Einstein đã phân biệt rất rạch ròi sự chuẩn xác giữa phép chứng minh khoa học với đức tin tôn giáo.

Tri thức khoa học và tri thức tôn giáo

Có nhiều loại tri thức tồn tại trong đời sống con người, chẳng hạn, “Tri thức khoa học”, “Tri thức kinh nghiệm”, “Tri thức tôn giáo”... Chúng khác biệt nhau ở đâu?

Tri thức kinh nghiệm được tích lũy nhờ trải nghiệm thực tế. Chẳng hạn, người thợ thành thạo kỹ năng trong sản xuất; người chỉ huy (quân sự) lão luyện trên chiến trường. Sự thành thạo của người thợ cũng như tài thao lược của người chỉ huy trên chiến trường có được nhờ tích lũy kinh nghiệm

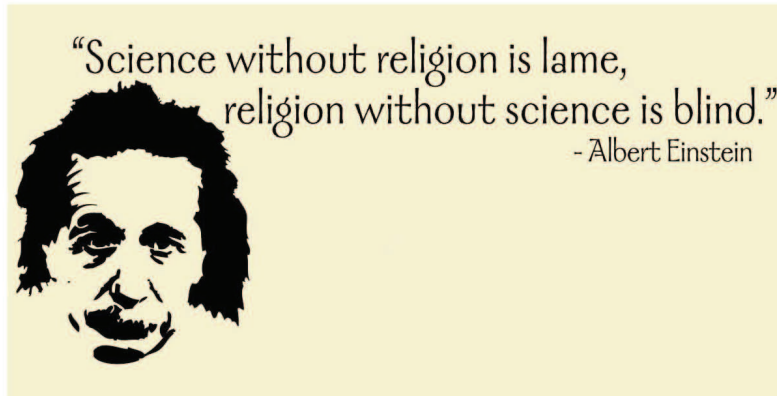
trong thực tế.

Tri thức khoa học có được nhờ thực hiện các phương pháp khoa học về quan sát hoặc thực nghiệm trong suốt quá trình nghiên cứu. Một luận điểm khoa học được hình thành sau khi người nghiên cứu kiểm tra cẩn thận để có được các luận cứ lý thuyết và các luận cứ thực tế.

Còn tri thức tôn giáo có được, như Đạo Thiên Chúa nhờ một tín niệm thiêng liêng vào đấng tối cao, các tín đồ mang niềm tin có Đức Chúa ban phúc lành..., đó là những niềm tin thánh thiện, thiêng liêng, không hề có trải nghiệm thực tế như người thợ tích lũy kỹ năng sản xuất hoặc người chỉ huy có tài thao lược, cũng không hề được chứng minh bằng lý thuyết, và cũng chẳng có luận cứ thực nghiệm nào như người nghiên cứu. Đối với Đạo Phật, ngoài việc cầu xin tha lực phù hộ độ trì, bình an, mạnh khỏe, con người có thể thực hiện các pháp môn tu tập rèn luyện tâm ý, chú tâm tĩnh giác, chính niệm tỉnh giác, thiền quán,

¹Xem: https://archive.org/stream/AlbertEinsteinTheWorldAsISeeIt/The_World_as_I_See_it-AlbertEinsteinUpByTj_djvu.txt

²Xem: <http://www.wearealgerians.com/uploads/139836462334391.pdf>



thiên chỉ... dẫn tâm đến chỗ an lạc, trong sáng, phát sinh trí tuệ.

Tuy nhiên, mỗi loại tri thức có một vai trò riêng biệt trong đời sống xã hội, không thay thế được nhau: người chỉ huy trận đánh đưa ra quyết định tức khắc trên chiến trường nhờ tri thức kinh nghiệm, không thể chờ kết quả nghiên cứu khoa học để quyết định trận đánh, bởi vì, chưa nghiên cứu xong đã bị đối phương đánh cho đại bại; nhà nghiên cứu chứng minh luận điểm của mình nhờ những luận cứ thu được từ kết quả quan sát hoặc thực nghiệm khoa học, không chờ Trời Phật cứu giúp; ông giáo sư đi lễ chùa hoặc đi lễ nhà thờ để tìm nguồn an ủi tinh thần từ một đức tin tôn giáo thiêng liêng.

Einstein bàn về quan hệ giữa khoa học và tôn giáo

Như đã viện dẫn ở trên, chúng tôi tìm được trong cuốn sách "The World As I See It" ba đoạn rất đặc sắc của Einstein bàn về mối quan hệ giữa khoa học với tôn giáo.

Đoạn thứ nhất, Einstein đưa ra khái niệm "Cosmic Religious". Đây là một đoạn rất thú vị mà

Einstein viết một cách chân thành không mang bất kỳ một sắc thái châm biếm nào. Ông gọi những người nghiên cứu đang đi vào cõi sâu thẳm của không gian vũ trụ là những người theo "Đạo vũ trụ". Khái niệm Đạo vũ trụ được ông viết bình thường, không đưa vào dấu ngoặc kép như chúng tôi vừa viết.

Đoạn thứ hai, Einstein nói về cái mà ông gọi là "The Religiousness of Science" và chúng tôi đã tạm dịch là "Đạo khoa học" (bản tiếng Việt dịch là Đạo nghiên cứu). Ông mô tả sự say mê nghiên cứu của nhà khoa học cũng diễn ra không kém sự say mê và đức tin tôn giáo của các con chiên ngoan đạo. Einstein cho rằng, cộng đồng khoa học cũng mang một đức tin như đức tin của các tín đồ tôn giáo, và ông cũng không tiếc lời gọi họ một cách chân thành là một "The Religiousness of Science".

Đầu tiên, khi đọc những đoạn của tác giả nọ nói là viện dẫn Einstein về luận điểm "khoa học là tôn giáo" của Einstein, chúng tôi đã xem kỹ bản dịch tiếng Việt, xem dịch giả có hiểu sai ý của

Einstein mà chuyển ngữ cụm từ "The Religiousness of Science" thành thứ luận điểm "khoa học là tôn giáo" hay không, thì nhận ra dịch giả đã dịch rất chuẩn xác. Vậy ra, tác giả bài viết kia đã đọc không cẩn thận chính bản dịch tiếng Việt, hoặc đã hiểu không đúng nghĩa, nếu như tác giả đọc nguyên bản tiếng Anh.

Đoạn thứ ba, Einstein bàn trực diện mối quan hệ giữa khoa học với tôn giáo. Trong đoạn này, Einstein đã xem khoa học như con đường đi tìm luận cứ của người nghiên cứu để khám phá bản chất thế giới, còn tôn giáo là sản phẩm của một đức tin thiêng liêng vào Đấng sáng thế.

Triết học Marx về quan hệ giữa tôn giáo với khoa học

Triết học Marx xem khoa học và tôn giáo như những hình thái ý thức xã hội. Các giáo trình triết học thường xét đến những hình thái ý thức xã hội, như khoa học, tôn giáo, đạo đức, ý thức pháp quyền và ý thức hệ tư tưởng.

Triết học, không chỉ triết học Marx, quan niệm các hình thái ý thức xã hội tuy có tương tác nhưng luôn tồn tại quan hệ độc lập tương đối³.

Nói như thế có nghĩa là, trong quan hệ giữa chúng, giữa các hình thái ý thức xã hội, trong đó có khoa học và tôn giáo, không bao giờ có thể "LÀ" nhau được, chẳng hạn, không thể có loại "Tôn giáo khoa học", càng không

³Xem Từ điển Triết học (bản tiếng Việt), Nxb Tiến bộ Moskva, 1977.



thể có thứ khoa học gọi là “Khoa học tôn giáo”.

Thiên Chúa giáo với khoa học

Tín đồ Thiên Chúa giáo có một đức tin thiêng liêng, rằng Chúa Giêsu do Đức mẹ đồng trinh Maria sinh thành nhờ một phép lạ của Đấng tối cao, rằng Ngài đã bị chết trên Thập tự giá, và ba ngày sau là ngày Phục sinh của Ngài và Ngài chính là Đấng cứu thế xuất hiện.

Lịch sử khoa học vẫn còn ghi nhận sự kiện sai lầm của Giáo hội trong vụ án xử Galileo Galilei năm 1633 chỉ vì Galileo đã viết cuốn sách *Dialogue on the Great World Systems* thể hiện sự đồng tình với luận điểm khoa học của Copernicus, rằng Trái đất quay quanh Mặt trời, rằng Mặt trời là trung tâm của vũ trụ, xúc phạm một tín điều thiêng liêng của tôn giáo, rằng Mặt trời quay quanh

Trái đất, Trái đất là trung tâm của vũ trụ, điều đã được viết trong Kinh thánh.

Sau hơn ba thế kỷ, năm 1979, Giáo hoàng John Paul II đã yêu cầu xem lại vụ án này⁴. Ngài đã cho thành lập một ủy ban thẩm định vụ án Galileo Galilei. Cuối cùng, năm 1992 Giáo hội đã tuyên bố xóa vụ án oan sai này. Đích thân Giáo hoàng John Paul II đã tuyên bố nhận lỗi sai về phía Giáo hội, và ghi nhận Galileo là một con chiên ngoan đạo.

Ở đây, chúng ta nhận ra, tôn giáo đã từ bỏ những niềm tin xa lạ với khoa học, thừa nhận những nguyên lý khoa học, nhưng không từ bỏ đức tin của mình, với Thiên Chúa giáo, là một đức tin về Đấng sáng thế.

Điều này không phải là điều gì

⁴Xem: <http://www.jw.org/vi/an-pham/tap-chi/g201506/galileo/>

quá lạ lẫm, khi chúng ta thấy các vị giáo sư, là những người sùng bái các luận cứ khoa học như sự sùng tín của các con chiên với các niềm tin tôn giáo, vẫn kính cẩn quỳ trước ban thờ Chúa và làm dấu thánh.

Phật giáo với khoa học

Tác phẩm Phật giáo và khoa học của giáo sư Phật học Phúc Lâm là một trong số ít các tác phẩm về thể tài phân tích Phật giáo dưới cái nhìn của khoa học. Về nguồn gốc con người và vũ trụ, tác giả đã phủ định các học thuyết sai lầm về nguyên nhân đầu tiên của vũ trụ dưới nhiều tên gọi như Thượng đế, Chúa Trời, Phạm Thiên hay Thần linh. Tác giả cho rằng, các huyền thoại cổ xưa về con người và vũ trụ đều không dựa trên các sự kiện khoa học, chúng có mặt như phản ứng trước nỗi sợ hãi, lúc thường trực, khi tiềm ẩn, cộng với vô minh.

Nếu huyền thoại là các câu chuyện tưởng tượng thiếu khoa học trong nỗ lực giải thích con người và vũ trụ thì nền tảng chân lý của nó là niềm tin mù quáng.

Nếu chân lý của huyền thoại ai không tin thì được xem là có tội theo cái nhìn của Thần học, thì nhãn quan duyên khởi là cơ sở hình thành, tồn tại và phát triển của một sự vật chính là quy luật bất biến. Đây là quan niệm về một thế giới bất biến làm ảnh hưởng tiêu cực và trì hoãn tiến trình khám phá khoa học. Nhờ sự ra đời của Học thuyết Tiến hóa và Học thuyết Big Bang, các thuyết huyền thoại sáng thế đã không

còn chỗ đứng vững, mở cửa cho các kiến thức so sánh về đạo Phật và khoa học được phát triển. Theo tác giả, khoa học càng phát triển thì sự ảnh hưởng hai chiều giữa khoa học và Phật giáo càng phát triển. Điểm chung nhất giữa Phật giáo và khoa học là không thừa nhận Đấng sáng thế tạo dựng thế giới, không cho rằng mặc khải là chân lý. Tác giả không tham vọng dùng khoa học như một công cụ biện minh Phật giáo. Tác giả cũng không có dụng ý chứng minh Phật giáo là khoa học. Từ cái nhìn phân tích so sánh, tác giả cho chúng ta thấy khoa học có một quan hệ đặc biệt với Phật giáo. Thuyết duyên khởi của Phật giáo một mặt phủ định các học thuyết nhất nguyên về vũ trụ, mặt khác làm tiền đề cho học thuyết tiến hóa. Sự vận hành của vũ trụ theo Phật giáo chính là nguyên lý duyên khởi và vô thường. Cái gì duyên khởi thì cái đó vô thường. Cái gì vô thường thì cái đó không phải là một thực hữu. Cái gì không thực hữu thì không phải là một thực tại bất biến. Tính cách phi thực hữu trong một thực tại được hiểu theo đạo Phật là vô ngã về phương diện vật lý. Nói cách khác, do vô thường nên không có một thực tại nào là hữu ngã. Do vô ngã nên không có một thực tại nào là thường hằng.

Tuy chống lại thuyết sáng thế, nhưng Phật giáo lại đưa ra một tín niệm hết sức lý thú về các kiếp luân hồi. Đến đây, nhân loại lại đứng trước một luận đề tôn giáo thiêng liêng, cho đến nay vẫn chưa có bất cứ luận cứ thực tế

hoặc luận cứ lý thuyết nào để chứng minh.

Và như chúng ta thấy, cuộc hành trình khám phá Phật giáo và khoa học không chỉ là một điều kỳ thú, nhưng trên tất cả những điều kỳ thú đó, nó có một giá trị cao cả xét từ góc độ nhân bản và tâm linh, ví dụ: quan niệm của Phật giáo về vũ trụ cho rằng thế giới chúng ta đang sống không phải là duy nhất và cũng không phải là trung tâm vũ trụ. Ngoài thế giới chúng ta đang sống, còn có rất nhiều thế giới khác, Phật giáo phân loại các thế giới thành ba loại: Tiểu thiên thế giới, Trung thiên thế giới và Đại thiên thế giới. Danh từ thế giới trong Phật giáo chỉ một thiên thể (ví dụ như quả đất) hoặc một tập hợp các thiên thể được coi như thuộc một nhóm (ví dụ, Thái dương hệ mà quả đất là một hành tinh trong đó). Vậy, một ngàn thế giới hợp thành một Tiểu thiên thế giới, một ngàn Tiểu thiên thế giới hợp thành một Trung thiên thế giới, và một ngàn Trung thiên thế giới hợp thành một Đại thiên thế giới. Như thế, lấy đơn vị là một hệ thống tương tự như hệ thống Thái dương hệ và gọi là thế giới thì Tiểu thiên thế giới gồm có khoảng một ngàn thế giới, Trung thiên thế giới gồm khoảng một triệu thế giới, Đại thiên thế giới gồm khoảng một tỷ thế giới...

Với khoa học, đôi khi chúng ta có vật chất mà không có trái tim. Phật giáo gắn liền với khoa học vẫn giữ được trái tim và không làm mất cái tâm của mình. Cho nên, Phật giáo không phải là hệ thống chỉ để tin tưởng mà dựa

trên sự quan sát khách quan, chẳng hạn như thiên định giúp quan sát cẩn thận sự thật thông qua những công cụ đo lường nhân tạo mạnh mẽ và nó không bao giờ lặp lại, nhưng không thể gọi "Tôn giáo là Khoa học và Khoa học là Tôn giáo" được. Tuy nhiên, chính trong "The World as I See It", Einstein có một nhận xét thú vị: "Nếu có một tôn giáo nào đáp ứng được yêu cầu của nền khoa học tân tiến, tôn giáo đó chính là Phật giáo".

Thay lời kết

Triết học đã đúng khi cho rằng tôn giáo và khoa học cùng tồn tại như các hình thái ý thức xã hội. Chúng tồn tại độc lập, nhưng tương tác, chưa từng "LÀ", và không bao giờ "LÀ" nhau cả: mãi mãi không tồn tại thứ gọi là "tôn giáo khoa học", cũng như "khoa học là tôn giáo".

Hy vọng rằng, những ý kiến trao đổi, chia sẻ trên đây sẽ giúp độc giả có cái nhìn đúng đắn về các khái niệm "khoa học" và "tôn giáo", cũng như mối quan hệ giữa các khái niệm này, đồng thời có sự thống nhất về cơ sở lý thuyết triết học về hình thái ý thức xã hội, mối quan hệ giữa các hình thái ý thức xã hội, đã được trình bày rất cụ thể trong các sách giáo khoa về triết học, kể cả triết học phương Tây lẫn triết học phương Đông, cả triết học Marxist và triết học không Marxist ✍

Về phương thức cấp kinh phí

Đối với kinh phí hoạt động thường xuyên

Trong hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập hiện nay, nguồn kinh phí từ NSNN bao gồm kinh phí thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu và kinh phí hoạt động thường xuyên. Tuy tỷ lệ kinh phí hoạt động thường xuyên so với tổng kinh phí mà tổ chức KH&CN nhận được từ Nhà nước không lớn, nhưng lại là một nguồn kinh phí ổn định, giúp tổ chức có thể “duy trì” hoạt động vì khoản kinh phí này được cấp căn cứ vào biên chế của tổ chức (theo số liệu của năm 2012, Nhà nước cấp cho một biên chế không quá 38.760.000 đồng/người/năm)¹. Kinh phí hoạt động thường xuyên được dùng để chi trả lương cho cán bộ và hoạt động bộ máy của tổ chức. Nếu như một cán bộ có mức lương trung bình 3 triệu đồng/tháng thì tiền lương 1 năm của cán bộ đó là 36 triệu đồng. Và như vậy, tiền dành cho hoạt động bộ máy của đơn vị chỉ có không quá 2.760.000 đồng/biên chế/năm.

Phương thức cấp kinh phí hoạt động thường xuyên nêu trên đã bộc lộ một số hạn chế:

- Các tổ chức KH&CN luôn có xu hướng xin tăng thêm biên chế cho đơn vị, vì khi được cấp thêm biên chế thì kinh phí hoạt động thường xuyên của tổ chức cũng được tăng thêm. Quỹ lương của tổ chức KH&CN rất hạn hẹp, mức lương trung bình của cán bộ thấp nên tổ chức KH&CN không thể thu hút cán bộ nghiên cứu giỏi vào làm việc, không phát triển được đội ngũ cán bộ khoa học

của đơn vị.

- Dù mức lương bình quân của cán bộ trong tổ chức KH&CN thấp (khoảng 3 triệu đồng/người/tháng) nhưng vẫn có nhiều người muốn được vào biên chế của đơn vị vì mọi người đều muốn tìm kiếm sự ổn định. Và sau khi được vào biên chế, lại bắt đầu xuất hiện tư tưởng bình quân trong công việc vì yên tâm mình có lương hàng tháng do Nhà nước cấp, không làm gì cũng không bị giảm, trừ lương. Thời gian rảnh, cán bộ tham gia các đề tài nghiên cứu thì sẽ có thu nhập tăng thêm, người có khả năng thì sẽ tự nhận thêm các công việc khác để tăng thêm nguồn thu. Điều này làm phân tán lực lượng nghiên cứu trong các tổ chức KH&CN và cũng tạo ra khó khăn cho công tác điều hành của thủ trưởng đơn vị.

- Kinh phí dành cho hoạt động bộ máy của tổ chức KH&CN rất ít (như đã nêu ở trên), lại phải chi trả cho rất nhiều hoạt động (tiền điện, nước, xăng xe, bảo dưỡng, văn phòng phẩm, công tác phí, thông tin liên lạc...). Thông thường, kinh phí này không bao giờ đủ cho bộ máy hoạt động, thủ trưởng các đơn vị thường phải co kéo bằng nhiều cách khác nhau như cắt công tác phí của cán bộ, hoặc giảm các chuyến đi công tác, khảo sát thực tế mà lẽ ra sẽ giúp ích rất nhiều cho công việc. Tóm lại, ở mỗi tổ chức đều có tình trạng thủ trưởng đơn vị phải “loay hoay” trong việc cân đối các khoản thu - chi tài chính để duy trì hoạt động của bộ máy.

- Việc trả lương cho cán bộ KH&CN trong biên chế ở các tổ chức KH&CN hiện nay đang áp dụng thang bảng lương của khu vực hành chính nhà nước, mang tính bình quân chủ nghĩa. Điều

này trái hẳn với đặc thù của hoạt động nghiên cứu là sáng tạo, những người làm công tác nghiên cứu khoa học luôn mong muốn được xã hội tôn trọng và cơ quan quản lý đánh giá đúng, trả công xứng đáng với trí tuệ, công sức của mỗi người. Với cách trả lương như hiện nay, các nhà khoa học không yên tâm làm việc và cống hiến cho đơn vị, bởi tiền lương không đủ để đảm bảo cho cuộc sống của họ. Vì thế, xảy ra tình trạng chảy máu chất xám, tình trạng nhà khoa học phải bươn chải, hoặc phải “nói dối” khi thanh quyết toán các đề tài/dự án...

- Thủ trưởng đơn vị là người được Nhà nước giao cho quản lý một tổ chức mà không có các quyền thực để điều hành tổ chức đó hoạt động và phát triển, vì họ không có những công cụ cần thiết như: quyết định việc chi trả tiền lương, thu nhập đối với từng cán bộ theo mức độ cống hiến của họ.

Tại thời điểm hiện nay, liên Bộ KH&CN, Tài chính đã ban hành Thông tư 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN quy định về việc xây dựng dự toán kinh phí chi hoạt động thường xuyên theo chức năng đối với các tổ chức KH&CN công lập. Đây là một giải pháp giúp việc cấp kinh phí cho tổ chức KH&CN công lập theo nhiệm vụ của tổ chức chứ không theo đầu biên chế của đơn vị. Nhưng đối với các tổ chức KH&CN, đây là một phương thức cấp kinh phí hoạt động thường xuyên mới mà họ phải tìm hiểu để có thể đề xuất các nội dung, các nhiệm vụ cho phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức. Nhiều tổ chức KH&CN vẫn còn “loay hoay” để lập dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, và bên cạnh đó cơ quan cấp trên cần xem xét phê duyệt

¹Theo Quyết định số 59/2010/QĐ-TTg ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2011.

phải nói dối, buộc phải chia để tài nghiên cứu thành rất nhiều chuyên đề để có được một bản quyết toán “đẹp”. Cách làm này là một trong những nguyên nhân khiến “chất lượng nhiều đề tài nghiên cứu thấp”, đồng thời số tiền công cho cán bộ nghiên cứu “bị” biến thành các chi phí thực tế cho các khoản chi không được thanh quyết toán nêu trên.

Hiện nay có một thực tế là, thủ trưởng tổ chức KH&CN là người điều hành mọi hoạt động của đơn vị nhưng không phải là người quyết định mức thu nhập của các cán bộ trong đơn vị mình. Vì vậy, việc xây dựng một Quỹ thu nhập cho tổ chức KH&CN là cần thiết, tuy nhiên vấn đề này vẫn chưa được các tổ chức KH&CN chú ý vì nhiều lý do khác nhau.

Thẩm định và duyệt dự toán: đơn vị cơ sở xem xét, thẩm định dự toán cho các nhiệm vụ do các chủ nhiệm đề tài/dự án lập, gửi cho cơ quan quản lý cấp trên duyệt và tổng hợp vào dự toán chung gửi các cơ quan thẩm quyền nhà nước phê duyệt. Bộ chủ quản thẩm định và duyệt dự toán các nhiệm vụ cấp bộ của các tổ chức KH&CN công lập trực thuộc Bộ. Bộ KH&CN duyệt dự toán của các nhiệm vụ cấp nhà nước: chương trình, đề tài độc lập cấp nhà nước, các dự án sản xuất thử nghiệm. Sở KH&CN phối hợp với Sở Tài chính thẩm định dự toán của các nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt.

Cấp phát kinh phí: hiện nay theo Luật Ngân sách, tất cả các nhiệm vụ sau khi được các cấp có thẩm quyền phê duyệt đều bố trí vào kế hoạch của các Bộ/ngành và các Sở. Bộ Tài chính, Sở Tài chính cấp kinh phí về cho các Bộ và các Sở theo hạn mức kinh phí.

Thông thường, kinh phí được cấp theo nhiều đợt. Để được cấp kinh phí đợt sau phải có báo cáo quyết toán hoặc báo cáo tình hình sử dụng kinh phí đợt trước nhằm tránh tình trạng tạm ứng thì nhanh nhưng quyết toán lại chậm hoặc không báo cáo chi tiêu đã xin tạm ứng tiếp.

Quyết toán: đơn vị chi tiêu chịu trách nhiệm quyết toán kinh phí được cấp theo đúng thời hạn và biểu mẫu quy định hiện hành. Quyết toán của đơn vị gửi cho cơ quan tài chính cấp trên. Cơ quan tài chính tổng hợp quyết toán gửi cho Bộ Tài chính. Về nguyên tắc, dòng kinh phí cấp từ trên xuống như thế nào thì quyết toán từ dưới lên theo đúng như vậy.

Đối với ngành khoa học có những đặc thù nên quyết toán thường chậm so với tiến độ chung. Mỗi đề tài nghiên cứu khoa học thông thường kéo dài 2-3 năm, không thể khi nghiệm thu kết thúc đề tài mới quyết toán kinh phí. Trong từng giai đoạn khi đã chi tiêu, có chứng từ hợp lệ, có sản phẩm trung gian phải quyết toán kinh phí.

Trong thực tế, các cấp quản lý thường phê duyệt đề tài rất chậm, cá biệt có địa phương mãi đến quý III mới phê duyệt xong đề tài. Vì vậy, kinh phí được cấp vào quý IV, cả 3 quý không có kinh phí triển khai, cuối năm mới cấp kinh phí lại yêu cầu quyết toán vào tháng 12. Nhiều đơn vị cơ sở và chủ nhiệm đề tài rất lúng túng về việc này. Chi vội cho hết tiền thì lãng phí mà không chi hết thì phải trả lại ngân sách hoặc cho tạm ứng hết thì không quyết toán được đúng thời hạn. Việc quyết toán cần được kết hợp với xem xét việc chi tiêu, với việc hoàn thành nhiệm vụ, nội dung được phê

duyet. Tránh tình trạng nội dung không hoàn thành nhưng kinh phí vẫn chi hết hoặc đánh giá nghiệm thu không gắn kết với việc thanh quyết toán kinh phí.

Kiểm tra: kiểm tra tài chính là một khâu không thể thiếu trong quá trình quản lý. Kiểm tra tài chính được kết hợp với việc kiểm tra nội dung và tiến độ thực hiện. Hoạt động kiểm tra nhằm xem xét việc chi tiêu có đúng mục đích, đúng chế độ, theo dự toán được duyệt hay không. Kết hợp với kiểm tra nội dung để tránh tình trạng có chứng từ chi tiêu nhưng lại không có sản phẩm hoặc tiến chi hết nhưng nội dung lại chưa hoàn thành. Đồng thời qua kiểm tra cũng phát hiện những khó khăn, vướng mắc trong quá trình cấp phát, chi tiêu tài chính để giúp cho chủ nhiệm đề tài và các cơ sở giải quyết, đảm bảo tiến độ thực hiện của nhiệm vụ được giao. Công tác kiểm tra được tổ chức theo định kỳ và đột xuất. Tuy nhiên, với những đề tài mà thời gian thực hiện không đủ do việc cấp kinh phí quá muộn như trên thì việc kiểm tra trở nên rất bất cập. Khi đó, việc kiểm tra có thể phải làm mang tính hình thức để còn đánh giá, nghiệm thu kịp cho thời điểm quyết toán về tài chính. Điều này không đảm bảo được mục tiêu, nội dung và ý nghĩa đầy đủ của công tác kiểm tra.

Trên đây là một số nội dung cơ bản về thực trạng tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính trong tổ chức KH&CN công lập hiện nay. Trong bài tiếp theo, chúng tôi sẽ bàn về các giải pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động này trong các tổ chức KH&CN công lập.